Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-13 10:50:55 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 154/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức hoạt động tiếp công dân tại trụ sở, địa điểm tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của người đứng đầu, người tiếp công dân và mối quan hệ của các cơ quan, đơn vị trong hoạt động tiếp công dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng; công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Việc từ chối tiếp công dân

Việc từ chối tiếp công dân được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP.

Chương II
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN

Điều 4. Quy định chung về trụ sở, địa điểm tiếp công dân

1. Trụ sở, địa điểm tiếp công dân là nơi tiếp công dân của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cơ quan có trách nhiệm tiếp công dân; được bố trí ở địa điểm thuận lợi cho việc tiếp công dân, việc đi lại của công dân đến khiếu nại, tố cáo,

kiến nghị, phản ánh; được trang bị phương tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác phục vụ tiếp công dân trực tiếp hoặc tiếp công dân trực tuyến; niêm yết nội quy, lịch, quy trình tiếp công dân; hệ thống sổ, mẫu biểu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và yêu cầu xây dựng chính quy theo quy định của Bộ Tổng Tham mưu.

Trụ sở, địa điểm tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng, gồm:

a) Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng;

b) Trụ sở Tiếp công dân quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

c) Địa điểm tiếp công dân của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục II, quân chủng, quân đoàn, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Tư lệnh 86, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa, binh chủng, binh đoàn, học viện, nhà trường, bệnh viện, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

d) Địa điểm tiếp công dân của đơn vị cấp Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương, Đồn biên phòng, Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội Biên phòng, Hải đội Cảnh sát biển đóng quân độc lập.

2. Chỉ huy cơ quan, đơn vị bố trí lực lượng bảo vệ, có quy chế phối hợp với công an địa phương, xây dựng phương án xử trí các tình huống bảo đảm an toàn tuyệt đối trụ sở, địa điểm tiếp công dân do cấp mình quản lý. Trụ sở, địa điểm tiếp công dân làm việc hằng ngày theo giờ hành chính (thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ, tết nghỉ theo quy định).

3. Khi thực hiện nhiệm vụ ngoài doanh trại, nếu đóng quân ở địa phương nào, chỉ huy cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c và d khoản 1, khoản 2 Điều này tổ chức địa điểm tiếp công dân tại địa phương đó với hình thức phù hợp.

Điều 5. Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng

1. Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng tại Hà Nội là nơi tiếp công dân của Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương, Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu và Cục Cán bộ, Cục Chính sách - Xã hội, Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị.

2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo cơ quan, đơn vị bảo đảm hậu cần, bố trí lực lượng bảo vệ, đảm bảo an ninh, an toàn cho Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng hoạt động trong mọi tình huống.

3. Thanh tra Bộ Quốc phòng là cơ quan quản lý, điều hành hoạt động của Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng.

4. Các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm bố trí sĩ quan chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân; lịch tiếp công dân thực hiện theo quy định tại Nội quy Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng.

5. Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng được trang bị phương tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ tiếp công dân trực tiếp và tiếp công dân trực tuyến theo quy định tại các Điều 8, 18 và 19 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Trụ sở tiếp công dân cơ quan, đơn vị

1. Trụ sở tiếp công dân quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội là nơi tiếp công dân của Thủ trưởng quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và các cơ quan của quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có nhiệm vụ tiếp công dân; bố trí khu vực riêng; được trang bị cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ để tiếp công dân trực tiếp, tiếp công dân trực tuyến và thực hiện các nội dung khác theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

2. Cơ quan thanh tra cùng cấp có trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của Trụ sở. Các cơ quan có nhiệm vụ tiếp công dân bố trí cán bộ chuyên trách tiếp công dân.

Điều 7. Địa điểm tiếp công dân cơ quan, đơn vị

1. Địa điểm tiếp công dân của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục II, quân chủng, quân đoàn, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Tư lệnh 86, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa, binh chủng, binh đoàn, học viện, nhà trường, bệnh viện, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh là nơi tiếp công dân của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các cơ quan có nhiệm vụ tiếp công dân; được bố trí ở khu vực riêng và bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2. Địa điểm tiếp công dân của đơn vị cấp Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương, Đồn biên phòng, Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội Biên phòng, Hải đội Cảnh sát biển đóng quân độc lập, bố trí cạnh phòng trực ban, trong phòng có bàn ghế làm việc, niêm yết nội quy, lịch và quy trình tiếp công dân, sổ theo dõi và sổ nhật ký tiếp công dân, giao cơ quan chính trị hoặc Trợ lý chính trị (nơi không có cơ quan chính trị) cùng cấp quản lý, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy đơn vị.

3. Địa điểm tiếp công dân của các cơ quan: Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự, cơ quan điều tra, Thi hành án các cấp trong Quân đội do thủ trưởng các cơ quan bố trí theo quy định của pháp luật và quy chế của ngành.

4. Các cơ quan, đơn vị không có cơ quan thanh tra, do cơ quan chính trị (Trợ lý chính trị) quản lý, duy trì hoạt động tại địa điểm tiếp công dân và trực tiếp

tiếp công dân thường xuyên; các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ tiếp công dân bố trí cán bộ kiêm nhiệm thực hiện tiếp công dân.

Điều 8. Việc tiếp công dân trực tuyến

Việc tiếp công dân trực tuyến được thực hiện theo quy định từ Điều 16 đến Điều 24 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo

Cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp công dân tổng hợp, báo cáo công tác tiếp công dân với thủ trưởng cấp mình và cấp trên theo hướng dẫn về chế độ báo cáo của cấp có thẩm quyền. Khi có vụ việc đột xuất, khẩn cấp, phải kịp thời báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cấp có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 10. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại nơi tiếp công dân

Người làm công tác tiếp công dân, người được cấp có thẩm quyền mời hoặc giao nhiệm vụ tiếp công dân và các lực lượng khác được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, y tế tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được hưởng chế độ bồi dưỡng tiếp công dân theo quy định của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TIẾP CÔNG DÂN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức công tác tiếp công dân của Bộ Quốc phòng và bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết để tiếp công dân theo quy định.

2. Thực hiện tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Luật Tiếp công dân; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trong công tác tiếp công dân; đôn đốc việc xử lý sau tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị.

3. Chỉ đạo Thanh tra Bộ Quốc phòng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân phục vụ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp tại Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị từ trung đoàn và tương đương trở lên

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân của cơ quan, đơn vị mình, bảo đảm các điều kiện vật chất phục vụ cho việc tiếp công dân theo quy định tại Thông tư này.

a) Chỉ đạo cơ quan chức năng tiếp nhận, phân loại, hướng dẫn, trả lời đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; thông báo về việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân với cơ quan, đơn

vị liên quan; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người làm công tác tiếp công dân, người được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm việc tại nơi tiếp công dân theo quy định.

2. Phân công chỉ huy phụ trách và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cấp trên về công tác tiếp công dân thuộc phạm vi cấp mình quản lý. Thực hiện việc ủy quyền của thủ trưởng cấp trên về công tác tiếp công dân.

3. Trực tiếp tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng đối với cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng; trực tiếp tiếp công dân ít nhất 02 ngày trong 01 tháng đối với cấp còn lại.

4. Thực hiện tiếp công dân theo yêu cầu của cấp trên.

5. Ngoài lịch tiếp công dân định kỳ, thực hiện tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15.

6. Chỉ đạo cơ quan chính trị (Trợ lý chính trị) theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và báo cáo chỉ huy xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức cập nhật kịp thời thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật; đảm bảo nguồn lực để quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân do cơ quan mình cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cấp

Tham mưu giúp Đảng ủy cùng cấp tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh những vấn đề liên quan đến kỷ luật Đảng, phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Điều 14. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý công tác tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quản lý, điều hành Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng. Ban hành Nội quy Trụ sở Tiếp công dân.

2. Phân công, theo dõi, đôn đốc cơ quan, đơn vị thực hiện đón tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng; tiếp nhận, đăng ký, phân loại, chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; hướng dẫn công dân đến các phòng tiếp công dân của các cơ quan chức năng tại Trụ sở; gửi thông báo về việc tiếp nhận, kết quả xử lý nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho công dân biết.

3. Định kỳ hằng quý chủ trì giao ban với đại diện của cơ quan, đơn vị tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng; khi cần thiết mời đại diện cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng cùng tham dự. Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo công tác tiếp công dân trong toàn quân.

Điều 15. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tham mưu, đề xuất với lãnh đạo, chỉ huy cấp mình về việc triển khai, điều hành và thực hiện tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người tiếp công dân

1. Tiêu chuẩn của người tiếp công dân

Người tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15.

2. Trách nhiệm của người tiếp công dân

a) Khi tiếp công dân, người tiếp công dân phải thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15;

b) Chỉ được tiếp công dân tại trụ sở, địa điểm tiếp công dân của cơ quan, đơn vị; việc tiếp công dân phải công khai, minh bạch, dân chủ, kịp thời, không phân biệt đối xử; người tiếp công dân phải giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của công dân theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 154/2026/NĐ-CP.

Điều 17. Mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nơi tiếp công dân với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc của công dân

1. Khi nhận được nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do cơ quan quản lý nơi tiếp công dân các cấp chuyển đến, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết xem xét, xử lý và thông báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử về việc thụ lý giải quyết cho cơ quan quản lý nơi tiếp công dân đã chuyển đến.

2. Cơ quan tiếp công dân có quyền theo dõi, đôn đốc, yêu cầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền, giải quyết kịp thời, đúng thời hạn quy định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử kết quả giải quyết đối với vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cho cơ quan tiếp công dân đã chuyển đến biết.

3. Trường hợp cơ quan tiếp công dân đã yêu cầu hai lần nhưng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết vẫn không thực hiện hoặc cố tình không chấp hành thì thủ trưởng cơ quan tiếp công dân có quyền kiến nghị chỉ huy cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết; đồng thời, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo hoặc biện pháp xử lý của chỉ huy cấp mình.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Chỉ đạo Cục Quân lực chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng nghiên cứu, đề xuất Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng về biên chế cán bộ, nhân viên tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 19. Tổng cục Chính trị

Chỉ đạo Cục Cán bộ hướng dẫn cơ quan cán bộ các đơn vị phối hợp với cơ quan thanh tra hoặc cơ quan chính trị và cơ quan chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, người chỉ huy cơ quan, đơn vị bố trí cán bộ tiếp công dân theo quy định.

Điều 20. Thanh tra Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo, tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành văn bản từ chối tiếp công dân đối với các trường hợp công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh các vụ việc đã được giải quyết đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phức tạp, kéo dài.

3. Theo dõi việc từ chối tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị đối với các trường hợp được từ chối tiếp công dân theo quy định tại Điều 9 Luật số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15 và Điều 3 Thông tư này.

4. Phối hợp với Cục Tài chính Bộ Quốc phòng lập, phân bổ dự toán ngân sách, bảo đảm kinh phí, chế độ bồi dưỡng và các chế độ khác cho hoạt động tiếp công dân trực tiếp và tiếp công dân trực tuyến trong Bộ Quốc phòng.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp luật, trình độ, năng lực nghiệp vụ và kỹ năng về công tác tiếp công dân, thống nhất hệ thống mẫu biểu tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng.

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp tình hình công tác tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Thanh tra Chính phủ và Chính phủ theo quy định.

Điều 21. Cục Tài chính Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng lập, phân bổ ngân sách và bảo đảm kinh phí, chế độ bồi dưỡng và các chế độ khác cho hoạt động tiếp công dân trực tiếp và tiếp công dân trực tuyến trong Bộ Quốc phòng.

Điều 22. Văn phòng Bộ Quốc phòng

1. Bố trí lịch để Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp công dân đột xuất theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng.

2. Phối hợp với Thanh tra Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung và tổ chức các buổi tiếp công dân của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tại Trụ sở Tiếp công dân Bộ Quốc phòng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

2. Thông tư số 166/2021/TT-BQP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiếp công dân trong Bộ Quốc phòng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Thanh tra Bộ Quốc phòng) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu